

VÀI NÉT VỀ HẬU PHƯƠNG MIỀN BẮC VỚI CHIẾN THẮNG BUÔN MA THUẬT VÀ CHIẾN DỊCH TÂY NGUYÊN TRONG ĐẠI THẮNG MÙA XUÂN 1975

NGUYỄN HỮU ĐẠO*

30 năm đã trôi qua, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử ngày càng khẳng định ý nghĩa dân tộc to lớn và tầm vóc thời đại sâu sắc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 gồm 3 chiến dịch lớn, xen kẽ và kế tiếp nhau: Chiến dịch Tây Nguyên, Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Mỗi chiến dịch có ý nghĩa, thắng lợi và dấu ấn riêng đối với lịch sử cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Để có được những chiến thắng oanh liệt và vẻ vang ấy là thành quả của rất nhiều nhân tố, trong đó có nhân tố cực kỳ quan trọng là vai trò của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày về hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa với chiến thắng Buôn Ma Thuật và Chiến dịch Tây Nguyên mùa Xuân năm 1975.

*

Như chúng ta đều biết, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, miền Bắc xã hội chủ nghĩa chỉ có 10 năm tương đối hòa bình, xây dựng (1954-1964). Từ giữa năm 1964, bằng chiến tranh phá hoại trực

tiếp của không quân và hải quân Mỹ, miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa cùng đồng bào miền Nam đánh Mỹ-ngụy. Các đợt chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã tàn phá miền Bắc hết sức nặng nề. “Trong hai cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, miền Bắc có 6 thành phố thì cả 6 thành phố đều bị đánh phá, trong đó có 3 thành phố bị đánh phá có tính chất hủy diệt; 28 trên 30 thị xã bị bắn phá trong đó có 12 thị xã bị hủy diệt; 96 trên 116 thị trấn bị bắn phá, trong đó có 51 thị trấn bị hủy diệt; 4.000 xã trên 5.788 xã bị đánh phá, trong đó có 300 xã bị hủy diệt; 1.850 bệnh viện, bệnh xá, gần 3.000 trường học, hầu hết các công, nông trường, các nhà máy, xí nghiệp, các tuyến đường sắt, đường bộ, các công trình thủy lợi, cầu cống, kho tàng trên miền Bắc bị đánh phá. Hàng chục vạn dân thường bị giết hại, hàng chục ngàn người khác bị tàn phế...” (1). Song, dưới sự lãnh đạo của Đảng, bằng sự chiến đấu hy sinh và lao động quên mình của toàn quân, toàn dân, miền Bắc chẳng những đã anh dũng chống trả chiến tranh phá hoại của địch mà còn ổn định về chính trị, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và củng cố, tăng cường về quốc phòng. Hàng

* NCV. Viện Sử học.

ngành máy bay, tàu chiến của Mỹ-ngụy đã bị bắn cháy, bắn chìm; hàng trăm phi công Mỹ, các toán biệt kích, thám báo của ngụy đều bị tiêu diệt hoặc bắt sống. Kinh tế, văn hóa, xã hội và quốc phòng ở miền Bắc phát triển khiến người dân đã đủ ăn, đủ mặc và được học hành.

Chính sự ổn định về chính trị, sự phát triển toàn diện, vững chắc về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng... đưa miền Bắc trở thành hậu phương vững chắc và pháo đài vô địch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Sự củng cố, phát triển vững mạnh của miền Bắc đã là nguồn cung cấp dồi dào sức người, sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của đồng bào miền Nam. Chỉ nhìn lại những năm 1973-1975, bằng sự đóng góp sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc vào tiền tuyến miền Nam chúng ta mới khẳng định vị trí, vai trò to lớn của hậu phương miền Bắc.

Đầu năm 1973, sau khi bị thất bại ở cả hai miền Nam - Bắc, đế quốc Mỹ buộc phải ký kết Hiệp định Pari về Việt Nam (27-1-1973). Chúng đã phải cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam; Rút quân đội Mỹ và các nước chư hầu ra khỏi miền Nam; Chấm dứt dính líu về quân sự và can thiệp vào công việc nội bộ ở Việt Nam.

Song, Hiệp định Pari về Việt Nam chưa ráo mực đã bị đế quốc Mỹ và ngụy quyền miền Nam phá hoại có hệ thống. Mỹ ồ ạt đổ súng đạn và các phương tiện chiến tranh khác vào miền Nam. Chúng ra sức tăng cường, củng cố lực lượng ngụy quân, khuyến khích ngụy quyền mở hàng loạt chiến dịch đánh vào các khu vực giải phóng ở miền Nam.

Trước tình hình ấy, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 21 (tháng

10 năm 1973) đã khẳng định: “Nếu địch không thi hành Hiệp định Pari, tiếp tục chiến tranh Việt Nam hóa, thực chất là chiến tranh thực dân mới hòng chiếm lấy miền Nam, thì ta không có con đường nào khác là phải tiến hành chiến tranh cách mạng, tiêu diệt chúng giải phóng miền Nam” (2).

Đối với hậu phương miền Bắc, Đảng ta xác định: “Trong giai đoạn mới, nhiệm vụ chung của miền Bắc là: Đoàn kết toàn dân, đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng, nâng cao cảnh giác sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ và bọn tay sai; ra sức làm tròn nghĩa vụ của mình trong cuộc đấu tranh nhằm hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam; tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; làm tròn nghĩa vụ quốc tế với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia” (3).

Để hoàn thành những nhiệm vụ to lớn kể trên, trong những năm 1973-1975, ở cả hai miền Nam - Bắc, toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đã vượt qua mọi thử thách, chiến đấu dũng cảm và lao động quên mình.

Trong hai năm 1973-1975, miền Bắc đã bước đầu khôi phục được kinh tế do chiến tranh phá hoại của không quân và hải quân Mỹ gây ra. Tuy thành tựu còn thấp so với yêu cầu, nhưng nhiều ngành đã phát triển khá tốt. Riêng về nông nghiệp, do thời tiết thuận lợi, do tổ chức lại sản xuất và lao động tích cực của giai cấp nông dân nên sản lượng nông nghiệp tăng nhanh. Một số vùng, năng suất lúa đạt trên 6 tấn 1 hecta mỗi vụ. Năm 1974 sản lượng thóc tăng 21,4% so với năm 1973. Sản xuất bảo đảm, phát triển, việc chi viện sức người, sức của

cho cách mạng miền Nam cũng thuận lợi và tăng cường.

Sự chi viện sức người, sức của của hậu phương miền Bắc cho chiến trường miền Nam với một khối lượng ngày càng to lớn và toàn diện. Điều này đã được thể hiện rõ nét qua tuyến đường chiến lược Hồ Chí Minh - con đường huyền thoại.

Từ lâu, đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã sát cánh cùng nhân dân cả nước đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, giữ gìn, bảo vệ và xây dựng quê hương, đất nước. Đặc biệt, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Tây Nguyên đã góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang cách mạng; xây dựng và bảo vệ tuyến hậu cần chiến lược Bắc - Nam; xây dựng Tây Nguyên thành một căn cứ liên hoàn vững chắc, phối hợp với các chiến trường khác trên toàn miền Nam và chiến trường ba nước Đông Dương.

Trong những năm 1973-1974, bằng sự lao động quên mình của bộ đội, thanh niên xung phong và nhân dân địa phương, ở Tây Nguyên có thêm 1.299 km đường giao thông được hoàn thiện và đưa vào sử dụng (trong đó có 48 km đường nhựa, 170 km đường đá cấp phối, 1.081 km đường đất, 437 km đường sông). Và với hệ thống giao thông được mở rộng, trong 2 năm 1973-1974, hậu cần mặt trận Tây Nguyên đã tiếp nhận 53.690 tấn hàng, trong đó có 7.286 tấn đạn, 28.600 tấn lương thực, thực phẩm từ hậu phương miền Bắc. Chính nguồn cung cấp trên là một điều kiện quan trọng để Hè Thu năm 1974 cả Tây Nguyên và các tỉnh đồng bằng ven biển miền Trung mở hàng loạt chiến dịch tiến công và nổi dậy, tiêu diệt địch, giành đất, giành dân; mở rộng bàn đạp, xây dựng lực lượng, xây

dựng thế trận nhằm tạo thế, tạo lực mới cho cách mạng.

Bên cạnh đó, thực hiện quyết tâm của Đảng, hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ, nhân viên kỹ thuật, thanh niên xung phong đã nô nức lên đường, tình nguyện vào miền Nam đánh Mỹ-ngụy. Năm 1973-1974, miền Bắc đã động viên 25 vạn thanh niên nhập ngũ (riêng năm 1974 là 15 vạn) khiến lực lượng vũ trang của chúng ta đã có bước phát triển vượt bậc. Nếu năm 1969 chúng ta chỉ mới có 69 trung đoàn bộ đội chủ lực, thì năm 1974 đã tăng lên 113 trung đoàn bộ binh, 5 trung đoàn thiết giáp. Chúng ta đã có 700 xe tăng các loại, 1.300 pháo cao xạ, 53 giàn SAM2 và SAM7 (4)... Các đơn vị chủ lực lớn lần lượt ra đời: đó là Quân đoàn I (thành lập ngày 24-10-1973), Quân đoàn II (thành lập ngày 17-5-1974), Quân đoàn IV (thành lập ngày 20-7-1974) và tiếp đó là Quân đoàn III và Đoàn 232 (tương đương Quân đoàn). Điều này đã làm thay đổi căn bản về so sánh lực lượng giữa ta và địch. Chúng ta đã có khả năng cùng một thời gian mở nhiều chiến dịch với số quân, trang thiết bị và nhất là làm tốt công tác hậu cần hơn hẳn địch và bảo đảm chắc thắng (5).

Để đảm bảo giành toàn thắng, công tác ổn định hậu phương chiến tranh, bảo đảm hậu cần quân đội từng bước được kiện toàn. Đặc biệt, tuyến đường chiến lược Hồ Chí Minh được hỗ trợ lớn về sức người, sức của để có khả năng bảo đảm, đáp ứng hậu cần cho nhiều chiến dịch quy mô lớn, nhiều ngày và kế tiếp nhau. Cho đến cuối năm 1974, đường chiến lược Hồ Chí Minh đã củng cố thêm 3.778 km mới. Hơn 5.000 km đường ống dẫn dầu đã được đưa vào sử dụng với hệ thống bể chứa khoảng 327.800 m³. Đường Hồ Chí Minh đã chạy thẳng đến miền Đông Nam Bộ. Các hệ thống đường

trục cắt, trục ngang đã đảm bảo vận chuyển nhanh, an toàn, phục vụ tốt hậu cần cho bộ đội. Các đơn vị bộ binh, pháo binh, thiết giáp, xe tăng cỡ nhỏ và lớn của ta đã kịp thời có mặt ở mọi chiến trường.

Căn cứ vào tình hình cụ thể cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam, dựa vào thế và lực của cả hai bên tham chiến, từ tháng 9 năm 1974 đến tháng 1 năm 1975, Bộ Chính trị, Trung ương Đảng đã tổ chức nhiều phiên họp để phân tích tình hình và đề ra những quyết định quan trọng. Bộ Chính trị, Trung ương Đảng đã khẳng định: “Diễn biến cơ bản của tình hình trong hai năm qua rõ ràng là ta đang ở thế thắng, thế đi lên, thế chủ động và thuận lợi; địch đang ở thế thua, thế đi xuống, thế bị động và khó khăn, chiều hướng này không thể đảo ngược lại được... khả năng đế quốc Mỹ trực tiếp can thiệp hiện nay đang gặp nhiều khó khăn. Và, Bộ Chính trị đã quyết tâm: “Động viên nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh ngoại giao, làm thay đổi nhanh chóng và toàn diện so sánh lực lượng trên chiến trường miền Nam, tiến tới Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa, tiêu diệt và làm tan rã ngụy quân, đánh đổ ngụy quyền từ trung ương đến địa phương, giành chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước” (6).

Ngoài kế hoạch chiến lược cơ bản trong hai năm 1975-1976, Bộ Chính trị đã chuẩn bị kế hoạch lợi dụng thời cơ. Và, nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975.

Thực hiện quyết tâm của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh đã thông qua kế hoạch chi viện nhân tài, vật lực cho miền Nam trong mùa khô 1974-

1975. Cụ thể về vận chuyển chi viện mùa khô 1974-1975 khối lượng là 410.000 tấn hàng quân sự, 100.000 tấn hàng dân sự... Về xây dựng cơ bản đường chiến lược, tập trung làm khẩn trương tuyến phía Đông hơn nữa; đồng thời coi trọng củng cố tuyến phía Tây; cố gắng xong sớm đoạn Tây Nguyên đi Lộc Ninh theo tiêu chuẩn thấp...

Ngày 9 tháng 1 năm 1975, Thường trực Quân ủy Trung ương họp xác định nhiệm vụ quân sự năm 1975, quyết định chọn Tây Nguyên làm hướng tiến công chủ yếu trong đợt hoạt động tác chiến mùa Xuân năm 1975 và đã chỉ thị cho Bộ Tổng tham mưu chuẩn bị kế hoạch chiến lược.

Thực hiện chủ trương trên, hậu phương miền Bắc và khắp chiến trường miền Nam đã dấy lên một cao trào thi đua đánh giặc, cứu nước với một quyết tâm và khí thế mới.

Tại Tây Nguyên khi ta giải phóng Đức Lập (10-1974) và Phước Long (1-1975), vùng giải phóng đã được mở rộng từ Kon Tum đến Đắc Lắc. Nhân dân phấn khởi, tham gia các hành động cách mạng như đi dân công làm đường, vận tải. Và, chỉ trong thời gian ngắn, bộ đội, thanh niên xung phong được nhân dân giúp sức, nhiều đoạn đường của hệ thống vận tải chiến dịch được mở rộng, nâng cấp và đưa vào sử dụng. Đến đầu tháng 3 năm 1975, nhìn chung các mạng đường chiến dịch gồm các hệ thống trục dọc, trục ngang đã vươn tới các hướng tác chiến. Tổng số chiều dài của các tuyến đường trên là 6.000 km. Các mạng đường chiến dịch trên được nối liền với tuyến giao thông chiến lược 559, khiến giao thông vận tải bằng cơ giới lần đầu tiên đã thông suốt từ hậu phương miền Bắc vào tất cả các chiến trường, đến từng địa bàn tác chiến ở chiến trường miền Nam.

Đặc biệt là, khi Bộ Tư lệnh Đoàn 559 nhận được lệnh bảo đảm tham gia vào

Chiến dịch Tây Nguyên với hướng tiến công chính là Nam Tây Nguyên, giải phóng Buôn Ma Thuột, nơi địch yếu và nhiều sơ hở thì một khí thế cách mạng mới của quân và dân Tây Nguyên được phát huy đến cao độ.

Bộ đội công binh đã đẩy nhanh tốc độ mở đường và cải tạo các trục đường chiến lược nhằm nối liền với các trục đường vào Tây Nguyên và Nam Bộ. Có như vậy chúng ta mới hoàn thành tốt việc vận chuyển lực lượng và vật chất tới các chiến dịch và đón trước bước phát triển tiếp theo của cách mạng. Do yêu cầu của nhiệm vụ, Bộ Tư lệnh 559 đã quyết định thành lập các đơn vị mới như: Trung đoàn 574, Trung đoàn 575, Trung đoàn 576; thành lập Ban Chỉ huy mặt trận phía Tây trực thuộc Bộ Tư lệnh, lấy phiên hiệu là 565 có quyền hạn như Sư đoàn 565 (chuyên gia) trước đây. Sự tăng cường lực lượng, ổn định, kiện toàn về tổ chức của Bộ Tư lệnh Đoàn 559 nhằm quản lý, bảo vệ cầu, đường và sẵn sàng chiến đấu, đặc biệt là bảo đảm việc vận chuyển sức người, sức của từ hậu phương miền Bắc cho cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1975. Trước khi trận đánh vào Thị xã Buôn Ma Thuột nổ ra, các trục đường quan trọng như 50B, hai nhánh 50C, 50D đã được khai thông. Xe tăng và các vũ khí hạng nặng của chúng ta dễ dàng hành quân vào những mục tiêu trọng yếu của địch.

Trong chiến thắng Buôn Ma Thuột và Chiến dịch Tây Nguyên, Đoàn 559 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Đoàn đã phục vụ đầy đủ, kịp thời cho mọi hoạt động tác chiến của quân đội ta. Chính được chuẩn bị sẵn về cầu, đường và các mặt hậu cần khác nên chỉ trong thời gian ngắn, 47.000 bộ đội chủ lực của 4 sư đoàn (Sư đoàn 10, Sư đoàn 316, Sư đoàn 320A, Sư đoàn 968), 4 trung đoàn bộ binh, 1 trung đoàn đặc công, 2 trung

đoàn pháo mặt đất, 3 trung đoàn pháo cao xạ, 1 trung đoàn xe tăng, 1 trung đoàn thông tin, 1 trung đoàn ô tô vận tải; 3.145 tấn hàng (trong đó có 690 tấn đạn, 1.234 tấn xăng dầu, 1.081 tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men và 50 tấn vật tư khác) đã được tập trung ở mặt trận Tây Nguyên.

Có sự chi viện của hậu phương miền Bắc, lực lượng vũ trang ở mặt trận Tây Nguyên đã trưởng thành về mọi mặt. Mạng đường chiến lược, chiến dịch, hệ thống bảo đảm hậu cần được xây dựng và củng cố thêm. Đến tháng 2 năm 1975, ở Tây Nguyên đã dự trữ được gần 54.000 tấn vật chất, trong đó có 7.286 tấn đạn, 28.600 tấn gạo, thực phẩm đủ bảo đảm cho các lực lượng vũ trang trong cả năm 1975.

Với sự chuẩn bị đầy đủ, dồi dào về lực lượng và vật chất; Với mưu kế, thế trận được bày sẵn, ngày 10 tháng 3, trận Buôn Ma Thuột, đòn then chốt mở đầu cho Chiến dịch Tây Nguyên được bắt đầu. Các đơn vị chủ lực của ta tham gia Chiến dịch Tây Nguyên gồm: 4 sư đoàn (10, 320, 316, 968), 4 trung đoàn bộ binh (95A, 95B, 25, 271), 5 trung đoàn pháo mặt đất và pháo cao xạ, 1 trung đoàn xe tăng, thiết giáp, 1 trung đoàn đặc công, 2 trung đoàn công binh, 1 trung đoàn thông tin và các đơn vị hậu cần, vận tải. Sư đoàn 3 bộ binh Quân khu V có nhiệm vụ đẩy mạnh tác chiến phối hợp trên Đường số 19. Kết hợp với tiến công quân sự, Tỉnh ủy Đắk Lắk, Gia Lai, Kon Tum đã thành lập các đội công tác được huấn luyện về chính trị, quân sự tham gia làm đường, rải truyền đơn, lời kêu gọi, thông báo, kêu gọi binh sĩ địch ra hàng, trấn áp bọn ác ôn và chuẩn bị thành lập Ủy ban cách mạng ở các vùng được giải phóng.

Rõ ràng, vào năm 1975, hậu phương miền Bắc đã dốc toàn lực sức người, sức của chi viện cho tiền tuyến miền Nam để đánh

và thắng Mỹ-ngụy. Ở mặt trận Tây Nguyên, chính chúng ta, “điều Sư đoàn 316 và Sư đoàn 968 vào Tây Nguyên một cách đột ngột, cũng làm cho địch bất ngờ. Mặt trận Tây Nguyên từ một tập đoàn chiến dịch có 2 - 3 sư đoàn bỗng nhiên thành một tập đoàn chiến lược gồm 5 sư đoàn (các Sư đoàn 10, 320, 316, Sư đoàn Sao Vàng Quân khu V và 4 trung đoàn độc lập cùng bộ đội địa phương) đã tạo nên quả đấm thép. Quả đấm thép đó đã giữ gìn địch ở Plâycu, cắt đường 19, để phá vỡ Buôn Ma Thuột và đánh bại phản kích của Sư đoàn 23 ngụy, làm nên đột biến về chiến tranh. Hai sư đoàn cho thêm đó là cái nút trong mưu kế chiến lược để đánh bại địch” (7).

Đánh Buôn Ma Thuột, đầu tiên chúng ta dùng các cỡ pháo bắn vào các mục tiêu đã được xác định gần hai tiếng đồng hồ. Đòn phủ đầu bằng pháo binh của ta đã làm tê liệt sức đề kháng của địch ở Buôn Ma Thuột. Khi các cỡ pháo của ta chuyển sang bắn chi viện, từ các hướng, bộ binh, xe tăng dũng mãnh tiến lên xung phong đánh chiếm các mục tiêu đã được hiệp đồng. Đông đảo đồng bào yêu nước đã hò reo vui mừng trước mỗi thắng lợi của quân giải phóng. Nhân dân các khu đồn xung quanh Thị xã Buôn Ma Thuột, các yếu khu Thuận Hóa, Lạc Thiện, ở các ấp chiến lược dọc Đường 15, 17 nổi dậy diệt ác ôn, phá bộ máy kìm kẹp của địch; Nhân dân phá nhà lao giải thoát tù chính trị, hướng dẫn bộ đội truy quét địch và kêu gọi binh lính địch nộp vũ khí đầu hàng lực lượng cách mạng.

Với cách đánh mưu trí, sáng tạo và dũng mãnh, được sự ủng hộ, cổ vũ nồng nhiệt của quần chúng, chỉ trong mấy ngày với việc giải phóng Buôn Ma Thuột, đánh bại các cuộc tập kích, đặc biệt là cuộc tập kích của Sư đoàn 23 ngụy, chặn và tiêu diệt cuộc rút chạy “chiến lược” của địch với âm mưu về “co

cụm” tại các tỉnh duyên hải miền Trung, Chiến dịch Tây Nguyên đã toàn thắng.

Đòn mở đầu then chốt giải phóng Buôn Ma Thuột và đại thắng trong Chiến dịch Tây Nguyên đã mở ra, tạo tiền đề để Chiến dịch Huế - Đà Nẵng và Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử giành thắng lợi.

Ngày 18 tháng 3 năm 1975, Ủy ban Quân quản giải phóng Thị xã Buôn Ma Thuột do Đại tá Y Blốc Eban, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng Lâm thời của tỉnh Đắc Lắc đã ra mắt nhân dân và trực tiếp quản lý hành chính trong thị xã. Các tổ chức chính quyền từ tỉnh đến cơ sở tại Đắc Lắc được thành lập, hoạt động nhằm ổn định đời sống nhân dân. Và, chỉ trong thời gian ngắn với tinh thần yêu nước và ý chí lao động, công nhân đã khôi phục hệ thống điện, nước, điện thoại; các công trình công cộng phục vụ sinh hoạt khác... Ủy ban Quân quản đã mở kho thóc, gạo, các nhu yếu phẩm khác cung cấp cho nhân dân. Toàn thể nhân dân, trong đó có cả các trí thức, nhà giáo, các nhà tu hành và ngay nhân viên ngụy quyền cũng từng bước hòa nhập với cuộc sống mới. Dưới sự lãnh đạo của Ủy ban Quân quản, mọi sinh hoạt của nhân dân đã bình ổn trở lại.

*

Chiến thắng Buôn Ma Thuột và Đại thắng Tây Nguyên mùa Xuân năm 1975 là thành quả của nhiều nhân tố, song nổi bật là vị trí, vai trò của hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Hậu phương miền Bắc đã dồn sức người, sức của ở mức cao nhất cho từng trận chiến đấu, cho các chiến dịch ở miền Nam. Chính sự bổ sung quân số, tăng cường về vật chất trong chiến tranh khiến trận Buôn Ma Thuột và Chiến dịch Tây Nguyên đánh và thắng địch giòn giã.

(Xem tiếp trang 54)